

Nghiên cứu phát triển cụm ngành công nghiệp: từ lý luận đến thực tiễn ở các nước trên thế giới và gợi ý chính sách cho Việt Nam

Nguyễn Ngọc Sơn*

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 20.1.2015, ngày chuyển phản biện: 2.2.2015, ngày nhận phản biện: 16.3.2015, ngày chấp nhận đăng: 30.3.2015

Phát triển cụm ngành công nghiệp đang là một công cụ quan trọng được áp dụng rộng rãi ở các nước trên thế giới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp và tăng cường tham gia vào mạng lưới sản xuất khu vực cũng như chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển cụm ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các nước phát triển (Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản, Ý), các nền công nghiệp mới như Hàn Quốc, Đài Loan cũng như của các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Nga hay Brazil. Nhiều nước trên thế giới đang nỗ lực triển khai các chính sách phát triển dựa trên cụm ngành công nghiệp. Bài viết nghiên cứu cách tiếp cận về cụm ngành công nghiệp, kinh nghiệm phát triển cụm ngành công nghiệp ở các nước trên thế giới và gợi ý chính sách cho phát triển cụm ngành công nghiệp ở Việt Nam.

Từ khóa: công nghiệp, cụm ngành công nghiệp, năng lực cạnh tranh công nghiệp.
Chỉ số phân loại 5.2

THE DEVELOPMENT OF INDUSTRIAL CLUSTERS: FROM THEORY TO REALITY IN THE WORLD AND POLICY IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Summary

Developing industrial cluster is an important tool widely used in countries around the world to enhance industrial competitiveness and deep integration into the regional production network and global value chain. Industrial cluster development plays an important role in enhancing the competitiveness of developed countries (United States, Germany, Japan, Italy), the new industrialised economies such as South Korea, Taiwan and the emerging economies such as China, Russia or Brazil. Many countries around the world are attempting to implement the development policies based on industrial clusters. The paper presents the approach of industrial clusters, experiences of cluster development in countries, and suggests policy implications for the development of industrial clusters in Vietnam.

Keywords: industry, industrial cluster, industrial competitiveness.

Classification number 5.2

Đặt vấn đề

Lý thuyết cụm ngành do M. Porter đưa ra đã được ứng dụng khá rộng rãi ở các nước công nghiệp phát triển, các nước công nghiệp mới nổi cũng như các nước đang phát triển. Tuy nhiên, khái niệm “Industrial cluster” (IC) khá mới mẻ ở Việt Nam và được gọi với nhiều tên gọi khác nhau như “cụm công nghiệp”, “cụm liên kết công nghiệp”, hay “cụm ngành công nghiệp”. Trong nhiều trường hợp, IC vẫn thường bị hiểu lầm và đánh đồng với các cụm công nghiệp mang ý nghĩa tập trung về mặt địa lý của một số doanh nghiệp trong một vùng hay khu công nghiệp chứ không có sự liên kết giữa các doanh nghiệp. Theo tác giả, “cụm ngành công nghiệp” là thích hợp nhất, sát với bản chất và nội dung của thuật ngữ IC nhất.

Ở Việt Nam, chưa có các IC theo đúng cách hiểu của các nước phát triển. Mới chỉ có những ý tưởng về hình thành các cụm ngành như: ngành dệt may ở TP Hồ Chí Minh và vùng lân cận, cụm điện tử ở miền Bắc (Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hải Dương, Bắc Giang), cụm điện tử ở miền Nam (TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương). Với mục tiêu đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam phải tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia,

*Tel: 0913366644; Email: sonnn@new.edu.vn

mà trước hết là năng lực cạnh tranh ngành công nghiệp. Cách tiếp cận về IC là công cụ hữu hiệu để nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp. Để thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, bắt kịp và vượt qua bẫy thu nhập trung bình thì việc triển khai chính sách phát triển các IC là hết sức quan trọng và cấp thiết đối với Việt Nam.

Nghiên cứu này là kết quả của đề tài KX01.08/11-15 về phát triển cụm ngành công nghiệp trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, thuộc Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước KX01/11-15 về nghiên cứu khoa học phát triển kinh tế và quản lý kinh tế ở Việt Nam đến năm 2020.

Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu về phát triển IC, bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: tổng hợp, phân tích và so sánh kinh nghiệm quốc tế về phát triển IC. Bài viết đi sâu phân tích bài học của các nước có nhiều kết quả trong phát triển IC; mô hình, cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động của IC; phân tích thống kê so sánh chủ yếu được sử dụng để phân tích thực trạng phát triển IC và đánh giá kinh nghiệm phát triển IC ở các nước trên thế giới; phân tích định tính tác động của các yếu tố đến sự hình thành và phát triển IC; nghiên cứu đối với một số IC điển hình trên thế giới.

Kết quả nghiên cứu

Khái niệm về cụm ngành công nghiệp

Cụm ngành (cluster) hiểu một cách đơn giản là sự tập trung về địa lý của các hoạt động sản xuất và thương mại trong một lĩnh vực nhất định hoặc một số lĩnh vực có liên quan chặt chẽ. Quan niệm về cụm ngành lần đầu tiên được A. Marshall (1890) sử dụng trong tác phẩm kinh điển của ông với nhan đề “Các nguyên tắc kinh tế học”. Theo Marshall, có 3 điều kiện để hình thành IC: lao động; các doanh nghiệp chuyên môn hóa; khả năng đem tới hiệu ứng lan tỏa thông qua hoạt động chuyển giao bí quyết và ý tưởng bên trong cụm. Tiếp theo Marshall, các học giả thuộc nhiều lĩnh vực đã thảo luận về tầm quan trọng của tích tụ công nghiệp theo khu vực địa lý trong mối quan hệ với những biến chuyển lớn đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu và vai trò của tích tụ này đối với phát triển kinh tế của các quốc gia, vùng và địa phương.

Theo M. Porter, IC là sự tập hợp về mặt không gian của một nhóm các doanh nghiệp, nhà cung cấp linh kiện, nhà cung cấp dịch vụ, công ty trong các ngành liên quan và cả các tổ chức có liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp này như: các trường đại

học, viện nghiên cứu, công ty đầu tư tài chính trong một ngành xác định, cạnh tranh với nhau nhưng cũng cùng nhau thực hiện các hoạt động chung.

Theo định nghĩa của UNIDO, IC là một khu vực tập trung các doanh nghiệp, cụ thể là các doanh nghiệp vừa và nhỏ cùng ngành, theo cùng một khu vực địa lý, cùng sản xuất và kinh doanh các loại hàng hóa phụ trợ có liên quan đến nhau, gặp các khó khăn và thuận lợi tương tự nhau.

Kuchiki A cho rằng, IC là sự tập trung về mặt địa lý trong một quốc gia hay một vùng lãnh thổ của các công ty có liên kết với nhau, các nhà cung cấp chuyên biệt, các nhà cung cấp dịch vụ và các tổ chức có liên quan trong một lĩnh vực cụ thể (Kunichi A, Tsuji M, 2004). Các nhà kinh tế học theo lý thuyết tập trung cổ điển như Marshall, Weber, Ohlin và Hoover cho rằng, các doanh nghiệp quy tụ tại một khu vực địa lý nhằm tận dụng lợi ích kinh tế theo quy mô nội ngành, đó là sự dồi dào về lao động có kỹ năng, mức độ sẵn có của các yếu tố đầu vào sản xuất, các dịch vụ chuyên biệt và hiệu ứng lan tỏa công nghệ trong một phạm vi địa lý, giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí vận tải và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Chính mạng lưới chia sẻ tri thức dày đặc, được hỗ trợ bởi các mối quan hệ xã hội gần gũi và niềm tin giữa các đối tác mới được xem là lợi thế của các IC.

Mục tiêu của chính sách phát triển cụm ngành là tăng khả năng cạnh tranh và năng lực sáng tạo của doanh nghiệp trong ngành công nghiệp riêng biệt, nhằm thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp đa dạng hóa nền kinh tế. Việc phối hợp hoạt động và thu hút sự tham gia trực tiếp của các thành viên trong IC (gồm các công ty, hiệp hội, cơ sở đào tạo) được thực hiện thông qua sáng kiến phát triển cụm ngành, thể hiện trong kế hoạch hay chính sách phát triển IC. Tác động lớn nhất của các IC là tạo ra được ảnh hưởng kinh tế ngoại vi (bên ngoài mỗi doanh nghiệp) thông qua mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, các tổ chức trong IC. Khi hình thành các IC, các doanh nghiệp trong IC có thể dễ dàng tìm kiếm nhà cung cấp, các đối tác nhằm hoàn thiện mạng lưới sản xuất của mình. Những doanh nghiệp này sẽ có nhiều cơ hội, điều kiện để hợp tác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh của chính mình nhờ liên kết với các doanh nghiệp khác trong IC. Lợi ích từ kiến thức lan truyền giúp chi phí giao dịch giảm đi rất nhiều; lợi thế kinh tế về quy mô cũng được phát huy với sự tập trung hóa các yếu tố như: nguồn nhân lực, nguồn tài chính cho sự phát triển của các cụm liên kết. Một đặc điểm khác của IC là tạo ra môi

trường sáng tạo, thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) cũng như chuyển giao công nghệ, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu thông qua sự hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu trong IC.

Trong IC, các doanh nghiệp có thể nhanh chóng thích nghi với cấu trúc liên kết nội bộ và với môi trường bên ngoài luôn thay đổi. Nhờ sự tập trung theo vùng lãnh thổ, sự hợp tác và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp bên trong sẽ tạo lợi thế cạnh tranh hơn so với các doanh nghiệp nằm ngoài IC. Điều này không chỉ giúp tăng doanh số tại thị trường trong nước, mà còn làm tăng đáng kể năng lực xuất khẩu của doanh nghiệp.

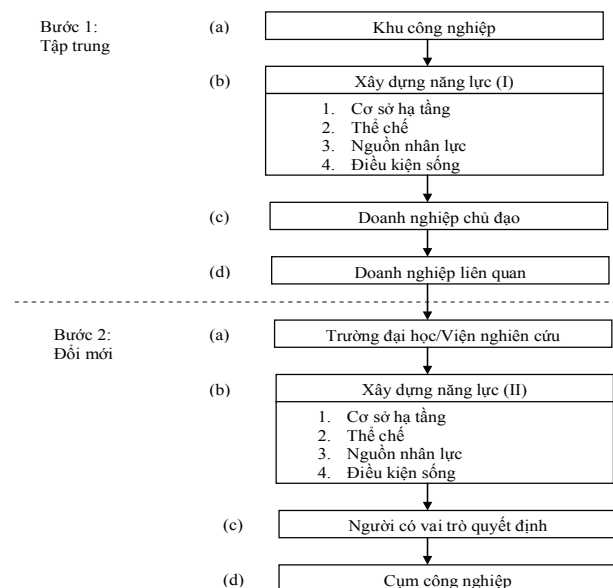
Cụm ngành công nghiệp có 5 đặc tính sau: *Thứ nhất*, sự tập trung của các doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh: điều kiện then chốt để phát triển các IC chính là sự tập trung của các doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh trên thị trường. Mức độ tập trung việc làm có thể là tiền đề để hình thành và phát triển IC, nhưng không phải là tiêu chí để đánh giá năng lực cạnh tranh. Các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh là: năng lực sản xuất của doanh nghiệp, của ngành trong cụm phải mạnh, mức độ xuất khẩu hàng hóa cao, các chỉ tiêu kinh tế cao. *Thứ hai*, trong vùng lãnh thổ phải có lợi thế cạnh tranh để phát triển cụm ngành như: địa kinh tế thuận lợi, lợi thế về tài nguyên và nguồn nhân lực, có sự hiện diện của các nhà cung cấp linh kiện, sự phát triển của các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, cơ sở hạ tầng thuận lợi. Chỉ tiêu để đánh giá lợi thế cạnh tranh của vùng là khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) lớn. *Thứ ba*, mức độ tập trung về địa lý và khoảng cách: các chủ thể chính trong cụm ngành phải gần nhau về mặt địa lý để tạo điều kiện thuận lợi cho sự liên kết. Quy mô về địa lý phụ thuộc vào mô hình, đặc tính của cụm ngành, nó có thể bao gồm một hoặc một số tỉnh/vùng của một quốc gia. *Thứ tư*, nhiều sự lựa chọn các thành phần tham gia trong cụm ngành: cụm ngành có thể bao gồm các doanh nghiệp sản xuất tư liệu tiêu dùng và dịch vụ để xuất khẩu, các doanh nghiệp cung cấp linh kiện, nguyên vật liệu, các doanh nghiệp hỗ trợ và cả các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo và hỗ trợ kinh doanh. Như vậy, trong cụm ngành sẽ tập hợp các đơn vị trong chuỗi giá trị của ngành từ khâu sản xuất nguyên liệu thô đến các dịch vụ sau bán hàng. *Thứ năm*, sự liên kết và hỗ trợ giữa các chủ thể tham gia IC: một trong những yếu tố thành công then chốt để phát triển IC chính là sự hiện diện của các mối quan hệ kinh doanh và sự phối hợp giữa các thành phần tham gia cụm. Đó có thể là mối quan hệ giữa doanh nghiệp chủ đạo với các nhà cung cấp, giữa

các nhà cung cấp, giữa các doanh nghiệp sản xuất với các nhà cung cấp dịch vụ tiện ích, với các trung tâm nghiên cứu, cơ sở đào tạo.

Quá trình hình thành và phát triển IC

Để phát triển IC cần tiến hành theo từng bước, trong đó nhấn mạnh đầu tư vào nguồn nhân lực cho IC, tận dụng FDI để đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ. Trong mô hình Kuchiki A về phát triển IC, các doanh nghiệp chủ đạo (anchor firms) có vai trò rất lớn trong việc tạo ra sự tập trung công nghiệp; chính quyền địa phương cũng đóng vai trò quyết định trong việc thúc đẩy IC hình thành và phát triển.

Theo Kuchiki A, quy trình phát triển IC được chia làm 2 bước (hình 1): bước 1 là giai đoạn tập trung, bước 2 là giai đoạn đổi mới. Giai đoạn tập trung gồm 4 bước: hình thành khu công nghiệp; xây dựng năng lực; thu hút các doanh nghiệp chủ đạo; thu hút các doanh nghiệp khác có liên quan làm tiền đề hình thành IC. Giai đoạn đổi mới cũng gồm 4 bước: thu hút sự tham gia của các trường đại học, viện nghiên cứu; xây dựng năng lực; tìm kiếm người có vai trò quyết định; hình thành IC.



Hình 1: trình tự phát triển IC (nguồn: Kuchiki, 2007)

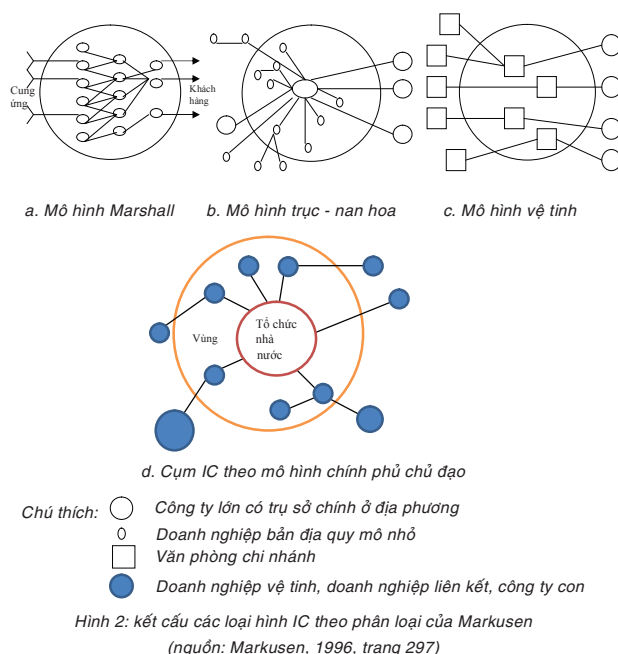
Bước đầu tiên trong quy trình phát triển IC là thành lập khu công nghiệp; bước thứ hai là xây dựng năng lực sau khi khu công nghiệp đã được hình thành. Hạ tầng kỹ thuật cho sự phát triển khu công nghiệp gồm hạ tầng giao thông, cung cấp điện, nước, xử lý nước thải và viễn thông. Sau khi cơ sở hạ tầng đã sẵn sàng, xây dựng thể chế là hết sức cần thiết, các thể chế cần thiết cho phát triển của khu công

ng nghiệp bao gồm: hệ thống thuế, thủ tục hành chính (chính sách một cửa) và các luật liên quan. Công việc tiếp theo của quy trình này là đảm bảo nguồn nhân lực cho phát triển khu công nghiệp, bao gồm lao động phổ thông và lao động kỹ thuật. Quá trình phát triển IC đòi hỏi phải có nguồn lao động kỹ thuật cao, do đó việc liên kết với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu cần phải được tiến hành ngay khi xây dựng IC. Ngoài ra, việc cải thiện môi trường sống để đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư cũng là điều kiện tiên quyết để thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là doanh nghiệp chủ đạo; nhà ở, trường học, bệnh viện, trung tâm thương mại và các khu vui chơi giải trí là hạ tầng xã hội quan trọng cho phát triển IC. Khi doanh nghiệp chủ đạo đã chấp nhận đầu tư thì các doanh nghiệp vệ tinh sẽ triển khai đầu tư nhờ hiệu ứng lan tỏa. Như vậy, cùng với sự tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp chủ đạo với các nhà cung cấp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và các tổ chức có liên quan, IC sẽ được hình thành và phát triển để thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

Các mô hình IC

Cho đến nay, trong các lý thuyết nghiên cứu về IC có rất nhiều cách phân loại. Theo tiêu chí “cơ chế hình thành IC”, các cụm này có thể được phân loại thành: IC được hình thành theo cơ chế “từ trên xuống dưới” (top - down); theo cơ chế “từ dưới lên trên” (bottom - up). Trong mô hình top - down, IC mới hình thành được chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền địa phương quy hoạch, lựa chọn địa điểm xây dựng và xác định ngành chủ chốt, ngành phụ trợ, ban hành các chính sách ưu đãi nhằm thu hút các công ty, tổ chức có liên quan đến đầu tư kinh doanh. Tiêu biểu cho trường hợp này có thể kể đến IC công nghệ cao Trung Quan Thôn ở Bắc Kinh, IC điện tử cao cấp tại đặc khu kinh tế Thâm Quyển (Trung Quốc), IC Skolkovo (Liên bang Nga), Thung lũng Silicon (Mỹ). Trái lại, ở mô hình bottom - up, IC được hình thành một cách tự phát, thường là dựa vào sự lớn mạnh của một số công ty có truyền thống sản xuất, kinh doanh lâu năm, hoặc dựa vào những ngành truyền thống ở địa phương, chẳng hạn như IC sản xuất bột lửa tại thành phố Ôn Châu, IC dệt may tại tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc), cụm ngành gốm sứ ở Ý...

Theo phân loại của Markusen, IC được chia thành 4 loại hình: IC theo mô hình Marshall (mô hình có đặc trưng là các doanh nghiệp lớn và nhỏ); IC theo mô hình trục bánh xe - nan hoa; IC theo mô hình vệ tinh; IC theo mô hình chính phủ chủ đạo.



Dựa theo tính chất của ngành, IC được chia thành 3 loại: IC khoa học kỹ thuật cao; IC các ngành thông thường; IC các ngành truyền thống (thường gắn với các làng nghề). Cũng có học giả gọi 3 loại hình này lần lượt là: IC truyền thống; IC hiện đại và IC sáng tạo. IC các ngành thông thường là nơi tập trung các công ty được gắn kết với nhau bởi mối liên hệ hợp tác về vốn và kỹ thuật, như IC Ota ở Tokyo (Nhật Bản), IC Baden - Württemberg của Đức. IC các ngành truyền thống thường được hình thành dựa vào một ngành trụ cột lâu đời nào đó của địa phương với số lượng doanh nghiệp lớn cùng sản xuất, kinh doanh ngành này. Cụ thể: IC sản xuất tất tại trấn Đại Đường, thành phố Chư Kỳ và IC sản xuất biến áp nguồn tại trấn Liễu Thị, thành phố Ôn Châu (tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc).

Kinh nghiệm phát triển cụm ngành công nghiệp ở các nước trên thế giới

IC ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển của các nước phát triển, cũng như các nước đang phát triển, cho phép các nước này huy động nguồn lực, tăng cường các mối liên kết mới về tổ chức lãnh thổ để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế quốc gia.

Năm 1975, Quỹ châu Âu về phát triển vùng được thành lập để thực hiện các chính sách phát triển IC. Ở châu Âu, cách tiếp cận về liên kết doanh nghiệp đầu tiên được thực hiện tại Đan Mạch từ những năm 1989-1990. Trong giai đoạn đầu, nghiên cứu tổ hợp công nghiệp theo dạng “cung - cầu” trong giới hạn

vùng theo 4 ngành là: nông nghiệp; dệt may; thiết bị văn phòng; sản xuất các thiết bị bảo vệ môi trường. Sau đó, chuyển tiếp sang 3 lĩnh vực là: thiết bị y tế điện tử; nội thất và dược phẩm. Ủy ban Đan Mạch về phát triển kinh doanh được xem là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ về các chính sách phát triển cụm ngành. Các cơ quan cùng liên kết gồm: Bộ Công thương, Bộ Khoa học, Bộ Giáo dục, Bộ Lao động, Cơ quan Phát triển thương mại và công nghiệp và Bộ Tài chính. Năm 1992, có đến 40% doanh nghiệp của Đan Mạch tham gia vào các IC, chiếm đến 60% kim ngạch xuất khẩu quốc gia. Cho đến nay, ở Đan Mạch có 29 IC chính đang hoạt động.

Ở Đức, có 3 cụm ngành trong 7 cụm ngành công nghệ cao trên thế giới là: Munich, Hamburg và Dresden. Sau khi nước Đức thống nhất, ngành công nghiệp ô tô có xu hướng chuyển sang phía Đông, do chi phí sản xuất thấp hơn và cơ sở hạ tầng thuận lợi cho phát triển công nghiệp ô tô. IC ô tô ở Đông Đức bắt đầu thành lập năm 2004 theo sáng kiến của 5 vùng: Berlin - Brandenburg, Thuringen, Mecklenburg Vorpommern, Sachsen và Sachsen - Anhalt. Trong IC ô tô có các doanh nghiệp sản xuất ô tô, các doanh nghiệp sản xuất linh kiện và nguyên vật liệu, các trung tâm dịch vụ, các viện nghiên cứu và các hiệp hội khác. Việc phát triển IC được thực hiện trong 2 năm, trong IC này tập trung các hãng sản xuất ô tô lớn như: BMW, DaimlerChrysler, Opel, Porsche, VW; các doanh nghiệp sản xuất linh kiện: KUKA Schweissanlagen GmbH, MITEC Automotive AG, Schnellecke Group, Siemens VDO Automotive AG, TRIMET Aluminium AG, Ngân hàng Công nghiệp Đức, Viện Fraunhofer, Đại học Kỹ thuật Dresden, Trường Cao đẳng Thương mại Leipzig...

Cách tiếp cận IC để chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Phần Lan trở nên phổ biến sau khi chính sách cụm ngành được sử dụng để hoạch định chính sách công nghiệp giai đoạn 1991-1993. Cách tiếp cận về cụm ngành của M. Porter được Phần Lan sử dụng để xây dựng dự án “Lợi thế cạnh tranh của Phần Lan - tương lai của công nghiệp Phần Lan”. Dấu hiệu để lựa chọn phát triển ngành công nghiệp Phần Lan chính là khả năng xuất khẩu của ngành và đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành đó. Các ngành để lựa chọn phát triển cụm ngành ở Phần Lan gồm rừng và chế biến gỗ, năng lượng, viễn thông, y tế, hóa chất. Hiện nay, các IC giữ vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển kinh tế của Phần Lan, đóng góp chủ yếu vào kim ngạch xuất khẩu, chiếm phần lớn trong GDP của Phần Lan.

Ở Ý, sự phát triển của cụm ngành ở các vùng dựa

trên kinh nghiệm thành công về phát triển các vùng công nghiệp. Các vùng này tập trung ở Đông Bắc và miền Trung nước Ý, với mức độ tập trung các doanh nghiệp rất cao, chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ với các ngành công nghiệp chế tạo truyền thống. Các doanh nghiệp trong cụm ngành ở các vùng này có hiệu suất sinh lời cao, năng suất cao hơn các doanh nghiệp tương tự ở ngoài cụm. Hiện nay, nước Ý có tới 200 cụm ngành với hơn 600000 doanh nghiệp. Ở Alpes (vùng Mont-blanc), cụm công nghiệp dệt may với 1300 doanh nghiệp sản xuất vải Cashmere, may, thiết kế thời trang và thiết bị dệt may. Như vậy ở Ý, năng lực cạnh tranh được thể hiện không chỉ ở năng lực cạnh tranh của các sản phẩm riêng biệt được sản xuất trong nước, mà còn được thể hiện ở năng lực cạnh tranh của toàn ngành hay toàn xã hội. Chính phủ đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của cụm ngành thông qua ưu đãi cho xuất khẩu, thu hút đầu tư, và tư vấn; hệ thống thông tin được thiết lập và đảm bảo truy cập cho tất cả đối tượng ở cả cấp quốc gia và vùng.

Tại Mỹ, M. Porter là người tiên phong trong thiết kế mô hình IC. Các bang Arizona, California, Florida, Minnesota, Bắc Carolina, Ohio, Oregon, Washington dẫn đầu về phát triển các cụm ngành. IC tiêu biểu nhất ở Mỹ là Thung lũng Silicon, với hơn 2,5 triệu lao động. Tại bang Arizona, với sự tham gia của M. Porter, đã xây dựng chương trình đối tác chiến lược để phát triển kinh tế; kết quả là 9 mô hình cụm ngành được thành lập. Hoạt động của các cụm ngành này như mạng lưới sản xuất, với mục tiêu cùng học hỏi, cùng nghiên cứu, marketing, mua sắm, sản xuất. Ở tất cả các bang của Mỹ đều thành lập các ủy ban về phát triển IC; các trung tâm nghiên cứu, trường đại học cũng thực hiện nghiên cứu về phát triển cụm ngành. Nguồn vốn ban đầu do chính quyền liên bang cấp, sau đó có thể huy động nguồn vốn tư nhân. Các IC của Mỹ có mức độ cạnh tranh toàn cầu rất cao.

Kinh nghiệm phát triển IC của Canada được đặc trưng bởi mức độ phát triển của cơ cấu ngành công nghiệp, mức độ đổi mới cao, điển hình trong việc xây dựng các cụm ngành công nghệ cao. Các cấp chính quyền hỗ trợ phát triển cụm ngành ở Canada gồm chính quyền liên bang, vùng, tỉnh/thành phố. Chiến lược phát triển cụm ngành là một phần quan trọng trong chiến lược đổi mới của Canada, được Ủy ban Nghiên cứu quốc gia xây dựng. Ủy ban này gồm 20 viện và các chương trình quốc gia, bao gồm những lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế, chuyên cung cấp các dịch vụ đa dạng trên toàn lãnh thổ Canada để hỗ trợ hoạt động đổi mới ở các địa phương. Chính quyền liên bang hỗ trợ các cụm ngành trong

triển khai thu hút đầu tư, xuất khẩu hàng hóa, điều tiết thị trường lao động, xây dựng các chương trình đào tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ... Ở cấp tỉnh, chính sách IC được ủng hộ tích cực. Chính sách này bao gồm việc tài trợ cho nghiên cứu khoa học, thực hiện các chương trình đào tạo, thu hút đầu tư nước ngoài và cung cấp các dịch vụ tiện ích. Đóng vai trò chủ đạo trong chính sách cụm ngành ở cấp tỉnh là Cơ quan phát triển vùng thuộc chính quyền địa phương, với nhiệm vụ: hỗ trợ các doanh nghiệp xác định khả năng chiến lược của cụm ngành; thiết lập cơ chế, thể chế và mạng lưới để xây dựng sự hợp tác giữa các đối tác tham gia trong cụm; tăng chất lượng trao đổi thông tin giữa các tổ chức nghiên cứu và các doanh nghiệp; thu hút đầu tư để bù đắp các thiếu hụt về dòng vốn đầu tư trong khu công nghiệp; hoàn thiện cơ sở hạ tầng; xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo nhằm nâng cao trình độ cho các bên tham gia trong cụm ngành; phát triển mạng lưới các nhà cung cấp; và hỗ trợ phát triển các sáng kiến kinh doanh mới.

Nhật Bản là một trong những quốc gia áp dụng chính sách phát triển cụm công nghiệp thành công. Từ đầu những năm 2000, Nhật Bản đã xây dựng và triển khai chính sách IC một cách hệ thống. Để hình thành một IC, Bộ Công thương nước này tiến hành 4 bước: phân tích đặc điểm của địa phương; xác định mạng lưới có thể thiết lập trong phạm vi địa phương; mở rộng phạm vi mạng lưới; thúc đẩy tập trung công nghiệp và đổi mới, với 3 nhóm chính sách là: xây dựng mạng lưới; hỗ trợ doanh nghiệp về R&D, phát triển thị trường, quản lý, đào tạo; thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp với nhau, giữa doanh nghiệp với các tổ chức tài chính, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu. Nhật Bản là quốc gia đi đầu trong xây dựng hệ thống liên kết chuỗi phụ và hợp đồng giữa các doanh nghiệp lớn với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Ở các nước đang phát triển, cách tiếp cận cụm ngành cũng được áp dụng tương đối phổ biến, đặc biệt là ở các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Ấn Độ. Các IC đã phát triển rất mạnh ở Trung Quốc như IC ô tô thu hút được 20 tỷ USD với hệ thống các doanh nghiệp lắp ráp ô tô, các nhà cung cấp linh kiện, các cơ sở nghiên cứu khoa học, các trung tâm sáng tạo... Ví dụ, tỉnh Quảng Đông, IC được thiết lập dựa trên các hãng sản xuất ô tô lớn của Nhật Bản như: Nissan, Honda và Toyota; Chính phủ Trung Quốc đã đầu tư 6 tỷ USD vào dự án này. IC ô tô bắt đầu ở thành phố Quảng Châu đã lan sang các thành phố Phoson, Dunguan, và hiện nay bao phủ toàn bộ tỉnh Quảng Đông. Ở Trung Quốc đang phát triển các IC đổi mới, được xây dựng dựa trên các trường đại học tốt nhất

của Trung Quốc như Sinxua ở Bắc Kinh, Fundan ở Thượng Hải, các trung tâm nghiên cứu khoa học và công viên công nghệ trên khắp lãnh thổ Trung Quốc.

Trong điều kiện toàn cầu hóa và cạnh tranh toàn cầu gia tăng, quá trình phát triển IC ngày càng phổ biến tại các nước đang phát triển như Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Mexico, Chile và cả các quốc gia Ả Rập.

Các gợi ý về phát triển IC cho Việt Nam

Kinh tế thế giới đang phát triển trong bối cảnh mới, với 2 xu hướng lớn bao trùm là toàn cầu hóa và chuyển sang kinh tế tri thức, với những biến đổi sâu sắc và toàn diện, cả về trình độ công nghệ, cơ cấu sản phẩm, lẫn thể chế kinh tế. Đây là điều kiện thuận lợi cơ bản cho sự phát triển kinh tế ở các quốc gia trong giai đoạn tới, là yếu tố quyết định triển vọng tăng tốc phát triển toàn diện thông qua các cú nhảy “đột phá” ở cấp độ chiến lược của mỗi nền kinh tế. Toàn cầu hóa tạo ra một cấu trúc phát triển mới - cấu trúc mạng toàn cầu. Trong đó, mỗi nền kinh tế chỉ là một bộ phận hữu cơ, một “vùng lãnh thổ” mạng; khác với trước, các quá trình sản xuất, tuy vẫn được thực hiện ở từng quốc gia, song diễn ra trên cơ sở kết nối mạng toàn cầu và bị chi phối ngày càng mạnh bởi các quy tắc, luật lệ toàn cầu. Cách tiếp cận IC là hết sức quan trọng đối với Việt Nam để thực hiện chiến lược công nghiệp hóa bất kíp và vượt qua bẫy thu nhập trung bình trong điều kiện toàn cầu hóa. Để có thể phát triển được các IC ở Việt Nam, cần hướng tới các vấn đề then chốt sau:

Một là, cần có cách nhìn thống nhất về IC và vai trò của IC đối với phát triển các vùng và quốc gia. Chính phủ cần phải đưa ra các chính sách phát triển IC, xây dựng chương trình hành động để phát triển IC. Trong chương trình này, việc lựa chọn các ngành để phát triển IC là hết sức quan trọng, cần dựa vào các dấu hiệu về lợi thế của vùng và các điều kiện để phát triển cụm ngành ở các vùng. Ví dụ, phát triển IC điện tử và IC ô tô ở Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, IC phần mềm ở TP Hồ Chí Minh. Trong đó, phát triển cụm công nghiệp điện tử tại Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ cần dựa vào các khu công nghiệp như Bắc Thăng Long, Nội Bài ở Hà Nội, Quế Võ ở Bắc Ninh, với các doanh nghiệp điện tử chủ chốt như Canon, Samsung, Nokia; phát triển cụm công nghiệp ô tô xe máy cần dựa trên các khu công nghiệp như Toyota, Honda ở Vĩnh Phúc, Ford ở Hải Dương, Yamaha ở Hà Nội; hay phát triển cụm công nghệ cao ở TP Hồ Chí Minh với doanh nghiệp chủ đạo là Intel. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng tập trung

nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, là điều kiện thuận lợi cho sự liên kết phát triển IC.

Hai là, lựa chọn mô hình IC cần dựa vào ngành công nghiệp được lựa chọn để phát triển IC và lợi thế của các vùng. Ví dụ, đối với cụm điện tử và ô tô có thể lựa chọn mô hình cụm ngành theo kiểu Nhật Bản; đối với cụm ngành dệt may, da giày, đồ gỗ mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã lựa chọn để làm thí điểm thì mô hình ở nước Ý là phù hợp.

Ba là, quá trình phát triển IC nên triển khai theo từng giai đoạn. Có thể nhận thấy, trong một số vùng mức độ tập trung kinh tế đã được hình thành như điện tử ở Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, ngành ô tô, ngành dệt may tại Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Muốn phát triển IC, cần tăng cường củng cố năng lực và thiết lập các mối liên kết giữa các doanh nghiệp chủ đạo với các nhà cung cấp, trường đại học, viện nghiên cứu. Việc thiết lập và đẩy mạnh các mối liên kết phải được các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương (vùng, tỉnh/thành phố) chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

Bốn là, về cơ bản Việt Nam đã có hạ tầng các khu công nghiệp, trong đó một số khu công nghiệp đã có các doanh nghiệp chủ đạo như Honda, Toyota ở Vĩnh Phúc, Canon ở Bắc Thăng Long và Quế Võ (Bắc Ninh), Fujitsu ở Sóng Thần (Đồng Nai), Intel ở TP Hồ Chí Minh... Chúng ta cần tiếp tục thu hút các tập đoàn công nghiệp lớn vào các khu công nghiệp với vai trò là doanh nghiệp chủ đạo trong phát triển IC, từ đó thu hút các doanh nghiệp vệ tinh cho các doanh nghiệp này (giống như Canon đã làm ở khu công nghiệp Quế Võ). Các doanh nghiệp vệ tinh này có thể là các doanh nghiệp trong mạng lưới sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia hoặc doanh nghiệp địa phương.

Năm là, việc ban hành các chính sách về phát triển IC mới chỉ là điều kiện cần cho sự thành và phát triển các IC ở Việt Nam, điều quan trọng là phải triển khai các chính sách này một cách đồng bộ, có kế hoạch hành động cụ thể để hỗ trợ cho các nhà sản xuất đi đầu trong các ngành được lựa chọn để phát triển cụm ngành, hỗ trợ trong liên kết kinh doanh, xây dựng năng lực, tăng cường mạng lưới

trung gian, cung cấp dịch vụ chuyên ngành cũng như đào tạo nguồn nhân lực và quảng bá về địa phương có IC.

Kết luận

IC đã thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách sau khi có nhiều nghiên cứu chứng minh sự đóng góp to lớn của cụm công nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhiều nước trên thế giới, cả nước phát triển và đang phát triển, đang nỗ lực triển khai các chính sách phát triển công nghiệp dựa trên cụm công nghiệp. Ở Việt Nam, việc thực hiện chính sách phát triển công nghiệp dựa trên các cụm công nghiệp là hết sức cần thiết, giúp chúng ta thực hiện thành công chiến lược công nghiệp hóa, bắt kịp và vượt qua bẫy thu nhập trung bình.

Tài liệu tham khảo

1. Belorusia and UN Business Development Committee (2008), *Industry cluster development: nature, approach and experience*, Minsk, Tese.
2. Ikuo Kuroiwa, Toh Mun Heng (2008), "Production networks and Industrial clusters: integrating Economies in Southeast Asia", *IDE and JETRO*.
3. Kuchiki A, Masatsugu T (2004), "Industrial cluster in Asia: Analyses of their competition and Cooperation", *IDE and JETRO*.
4. Kuchiki A (2007), "The Flowchart Model of Cluster Policy: The Automobile Industry Cluster in China", *Discussion Paper, No.100*, Institute of Developing Economies.
5. Markusen (1996), "Sticky Places in Slippery Space: A Typology of Industrial Districts", *Economic Geography*, **72(3)**, 293-313.
6. Marshall A (1890), *Principles of Economics*, London: Macmillan Retrieved.
7. Michael E, Porter M (1998), *Clusters and Competition*, Harvard Business School Press.
8. Porter M (2009), *Lợi thế cạnh tranh quốc gia*, Nhà xuất bản Trẻ.
9. Nguyễn Thị Xuân Thúy, Vũ Hoàng Nam (2011), "Hiện trạng cụm công nghiệp và ý nghĩa của chính sách phát triển cụm công nghiệp trong phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam", *Tạp chí Quản lý kinh tế*, số 1.